TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2019
(V/v TrA chấp HNGĐ)

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Đức Long
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tuyến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN:*Bà Nguyễn Thị Thu Nhung- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 884/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/ 2019/QĐXX -ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Phương A, sinh năm 1975;
Trú tại: Tổ 18, phường H, thành phố T,tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên toà)

+ Bị đơn: A Nông Văn Đ, sinh năm 1971;
HKTT: Tổ 18, phường H, thành phố T,tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay Nguyên đơn chị Nông Thị Phương A trình bày: Chị và Anh Đ kết hôn năm 1998, có trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 con chung là Nông Bảo N sinh ngày 03/9/2002 và Nông Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2006; Tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Chị A xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do chị xin ly hôn Anh Đ do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, bản thân Anh Đ lại nghiện rượu nên mỗi lần xung đột thường làm tổn thương chị cả về mặt tinh thần lẫn thể xác, nhiều ít lần Anh Đ đã đánh chị, dùng những lời lẽ xúc phạm, thô bạo đe dọa chị và các con, chị và Anh Đ đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, chị A xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn Anh Đ.

Quan điểm của chị Về quan hệ hôn nhân: Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn Anh Đ.

Về con chung: Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nông Bảo N sinh ngày 03/9/2002; Nông Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2006 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi). Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị A nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Anh Đ nhưng Anh Đ không hợp tác giải quyết vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án chị A có đơn yêu cầu Tòa án lấy lời khai của Anh Đ để giải quyết vụ án, khi thẩm phán, thư ký đến nơi Anh Đ công tác (trung tâm Viễn thông B, huyện C, tỉnh B) để cho Anh Đ viết bản tự khai trình bày quan điểm về việc chị A có đơn khởi kiện Anh về việc ly hôn, giải quyết con chung nhưng Anh Đ không viết bản tự khai, Tòa án lấy lời khai của Anh Đ nhưng Anh Đ không khai và không có quan điểm gì nên Tòa án không lấy được lời khai của Anh Đ, tống đạt cho Anh Đ thông báo về phiên họp kiểm tra việc việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng Anh Đ không ký nhận, không tham gia phiên họp để giải quyết vụ án với chị A. Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ngày hôm nay A Điền đã được niêm yết hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt Anh Đ.

Về nội dung: - Đối với Quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Phương A và Anh Nông Văn Đ kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị A khai là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng, xung đột. Bản thân Anh Đ lại uống rượu nhiều nên mỗi lần xung đột thường làm tổn thương chị cả về mặt tinh thần lẫn thể xác. Không ít lần Anh Đ đã đánh chị, dùng những lời lẽ xúc phạm, thô bạo đe dọa chị và các con, vợ đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn Anh Nông Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị A và Anh Đ có 2 con chung là Nông Bảo N sinh ngày 03/9/2002; Nông Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2006 có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Xét yêu cầu của chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung đề nghị Hội đồng xét xử cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị A không yêu cầu Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên Anh Đ không có lời khai và Tòa án không lấy được lười khai của Anh Đ nên phần tài sản, nợ chung đề nghị HĐXX không giải quyết ở vụ án này, nếu sau này hai bên có phát sinh tranh chấp tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí: Chị A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. A Điền đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương để đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ngày hôm nay A Điền vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt A Điền.

*** Về nội dung:**

- Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Phương A và Anh Nông Văn Đ kết hôn năm 1998, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị A khai do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, bản thân A Điền nghiện rượu và uống nhiều nên mỗi lần xung đột thường làm chị tổn thương về mặt tinh thần lẫn thể xác. Nhiều lần Anh Đ đánh chị, xúc phạm, thô bạo đe dọa tính mạng chị và các con, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều để Anh Đ thay đổi, sống hòa hợp với vợ con nhưng Anh Đ không thay đổi. Trên thực tế hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau mà đã sống ly thân nhau từ năm 2013.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên sống ly thân từ giữa năm 2013 đến nay, chị A xin được ly hôn Anh Đ nhưng Anh Đ không hợp tác giải quyết vụ án, Anh Đ bỏ mặc, không quan tâm gì, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, vì vậy nên chấp nhận đơn ly hôn của chị A, cho chị Ngô Thị Phương A được ly hôn Anh Nông Văn Đ là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nông Bảo N sinh ngày 3/9/2002; Nông Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2006 có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị A xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con đến khi con trưởng thành, thực tế hiện nay chị A đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung.

Xét nguyện vọng về việc xin nuôi 02 con của chị A là hợp lý phù hợp với nguyện vọng của 2 con, hiện 2 con đang ở độ tuổi dậy thì nên rất cần có mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục vì vậy HĐXX giao con 02 chung Nông Bảo N sinh ngày 03/9/2002; Nông Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2006 cho chị Ngô Thị Phương A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*1. Sau khi ly hôn, Vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và luật khác có liên quan.*

2.Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết

định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con",

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Anh Đ vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không giải quyết phần tài sản chung, nợ chung ở vụ án ly hôn này.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị A phải nộp 300.000đ án phí LHST vào Ngân sách nhà nước; Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A, cho chị Ngô Thị Phương A được ly hôn Anh Nông Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nông Bảo N sinh ngày 03/9/2002; Nông Bảo Ng sinh ngày 25/10/2006 cho chị Ngô Thị Phương A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. A Điền có quyền đi lại thăm nom con chung

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung**:** Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này .

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu số 0007078 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm chị A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, A Điền

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- Viện KSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH phường Túc Duyên, TPTN;
- Lưu HS.